

Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn

(HOSE: SAB)

Vẫn còn nhiều thách thức

Năm giữ
(Duy trì)

TP: 62,000 VND
Upside: +7.5%

CTCP Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam

Bùi Ngọc Châu chau.bn@miraeasset.com.vn

Luận điểm đầu tư

Tổng Công ty Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn (SAB) là tập đoàn nước giải khát hàng đầu Việt Nam, với thị phần lớn thứ 2 ở thị trường nội địa. Với lịch sử gần 150 năm, SAB sở hữu nhiều thương hiệu mạnh như Sài Gòn Special, 333, Sài Gòn Lager. Công ty có hệ thống phân phối rộng khắp thông qua các công ty con trên cả nước.

Định giá

Giảm TP xuống 62,000 đồng; Duy trì khuyến nghị Năm giữ: Vì SAB là công ty sản xuất bia nội địa có thị phần lớn nên chúng tôi đã sử dụng phương pháp định giá so sánh cho cổ phiếu SAB, sử dụng tỷ lệ P/E trung bình hiện tại của các công ty tương đương cùng ngành và EPS dự phóng năm 2024. Chúng tôi hạ giá mục tiêu xuống còn 62,000 đồng từ 63,100 đồng, tương ứng với tỷ lệ P/E là 19.0 và duy trì khuyến nghị Năm giữ.

Cập nhật HKKD

Ngắt đà giảm trong Q1: Doanh thu của SAB tăng trưởng trở lại sau 4 quý thu hẹp liên tiếp, đạt 7,243.1 tỷ đồng (+16.1% CK). Tuy nhiên, tỷ suất lợi nhuận gộp của công ty giảm xuống 29% (Q1 2023: 30.7%), khiến lợi nhuận gộp chỉ tăng 9.7% CK lên 2,100.2 tỷ đồng. Do lãi suất giảm, thu nhập từ hoạt động tài chính giảm 22.2% CK xuống 278.6 tỷ đồng. Do chi phí SG&A hầu như không thay đổi, lợi nhuận hoạt động trong Q1 2024 của SAB tăng 4.4% CK lên 1,308.4 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế và LNST Q1 của SAB lần lượt đạt 1,302.9 tỷ đồng (+4% CK) và 1,023.7 tỷ đồng (+1.9% CK).

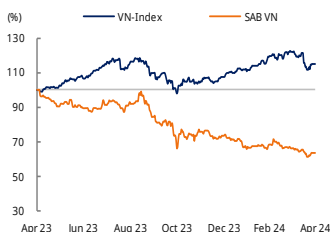
Giá đầu vào ổn định trong năm 2024: Trong kỳ họp ĐHCĐ thường niên 2024, SAB cho biết giá nguyên liệu đầu vào đã được cố định cho năm 2024. Bất chấp những tác động tiêu cực từ việc tỷ giá tăng cao, công ty tự tin sẽ duy trì mức biên lợi nhuận gộp hiện tại.

Dự phóng 2024

Vẫn chịu áp lực trong năm 2024: Mặc dù SAB nhận thấy tín hiệu tích cực về doanh thu sau Q1 nhưng chúng tôi cho rằng còn quá sớm để khẳng định hoạt động kinh doanh của công ty đã qua đáy. Trên thực tế, doanh thu trung bình trong giai đoạn 4Q23-1Q24 vẫn thấp hơn con số 4Q22-1Q23 (-3.3% CK). Việc tăng cường kiểm tra nồng độ cồn giờ đây đã trở thành thông lệ, làm tăng chi phí liên quan đến việc tiêu thụ rượu. Điều này có thể tạo ra hành vi tiêu dùng mới và cản trở sự phục hồi của thị trường bia trong nước. Hơn nữa, việc áp dụng thuế tiêu thụ đặc biệt mới vẫn đang được xem xét, có khả năng làm tăng giá bán sản phẩm khi áp dụng, hoặc ít nhất có thể gây khó khăn cho các hãng bia trong việc duy trì tỷ suất lợi nhuận (nếu muốn giữ giá bán ổn định).

Trong kịch bản cơ sở của chúng tôi, nhờ kết quả Q1 tốt hơn kỳ vọng, chúng tôi nâng giả định tăng trưởng khối lượng bán hàng năm 2024 lên -5% CK (trước đây: -10% CK) và dự báo doanh thu đạt 29,463.1 tỷ đồng (-4.1% CK); trước đó: 29,114.8 tỷ đồng. Đồng thời, chúng tôi hạ thấp giả định về tăng trưởng doanh số bán hàng trong những năm tiếp theo, phản ánh những thay đổi dài hạn trong hành vi của khách hàng. Chúng tôi duy trì hầu hết các giả định về chi phí của mình; do đó, chúng tôi dự báo lợi nhuận hoạt động và LNST năm 2024 của SAB lần lượt là 5,679 tỷ đồng (+5.1% CK) và 4,543.2 tỷ đồng (+6.8% CK; trước đó: 4,365.3 tỷ đồng).

Các chỉ số chính



Giá hiện tại (07/05/2024, VND)	57,700	Vốn hóa (Tỷ VND)	74,004
LNST (24F, tỷ VND)	4,316	SL cổ phiếu lưu hành (triệu cp)	1,283
Kỳ vọng thị trường về LNST (24F, tỷ VND)	4,501	Tỷ lệ tự do chuyển nhượng (%)	10.4
Tăng trưởng EPS (24F, %)	4.2	Tỷ lệ sở hữu NĐTNN (%)	60.4
P/E (24F, x)	15.6	Beta (12 tháng)	0.5
P/E thị trường (x)	16	Thấp nhất 52 tuần (VND)	52,000
VN-Index	1,210	Cao nhất 52 tuần (VND)	88,000

Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	6M	12M
Tuyệt đối	-4.1	-11.4	-36.7
Tương đối	1.8	-23.9	-52.0

Các chỉ tiêu tài chính và định giá

Năm	FY21	FY22	FY23	FY24	FY25	FY26
Doanh thu (tỷ VND)	26,374	35,236	30,707	29,463	30,353	31,270
LNHĐ (Tỷ VND)	3,510	6,830	5,403	5,679	5,743	5,871
Biên LNHĐ (%)	13.3	19.4	17.6	19.3	18.9	18.8
LNST CB Cty mẹ (tỷ VND)	3,677	5,224	4,118	4,316	4,365	4,462
EPS (VND)	5,502	7,983	3,132	3,264	3,301	3,374
ROE (%)	17.1	23.3	17.0	17.9	18.1	18.5
P/E (x)	27.4	20.9	20.1	15.6	16.5	16.1
P/B (x)	4.6	4.6	3.3	2.9	2.9	3.0

Nguồn: Dữ liệu doanh nghiệp, Bloomberg, Mirae Asset Vietnam Research

PLEASE SEE ANALYST CERTIFICATIONS AND IMPORTANT DISCLOSURES & DISCLAIMERS IN APPENDIX 1 AT THE END OF REPORT.

Bảng 1. KQKD và dự phóng (tỷ VND)

	Q1 2024	Q1 2023	% YoY	2024F	Kỳ vọng thị trường 2024	Kế hoạch 2024
Doanh thu	7,243.1	6,240.1	+16.1	29,463.1	31,269	34,397
LNST	1,023.7	1,004.1	+1.9	4,543.2	4,501	4,580

Nguồn: Dữ liệu doanh nghiệp, Bloomberg, Mirae Asset Vietnam Research

Bảng 2. KQKD thực hiện và kế hoạch (tỷ VND)

FY	Doanh thu thuần			LNST		
	Kế hoạch	Thực hiện	% Difference	Kế hoạch	Thực hiện	% Difference
2019	38,871	37,899	-2.5	4,717	5,370	13.8
2020	23,800	27,961	17.5	3,252	4,937	51.8
2021	33,491	26,374	-21.3	5,289	3,929	-25.7
2022	34,791	34,979	0.5	4,581	5,500	20.1
2023	40,272	30,461	-24.4	5,775	4,255	-26.3

Nguồn: Dữ liệu doanh nghiệp, Mirae Asset Vietnam Research

Bảng 3. Các giả định chính

Hoạt động		VCSH	
Tỉ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát/LNST	5.0%	Tỉ lệ thưởng BLĐ và trích quỹ phúc lợi/LNST:	3.0%
Dự trữ tiền tối thiểu (tỷ VND):	4,000	Cổ tức cho cổ đông không kiểm soát:	0.0%
Thuế suất thuế TNDN:	20.0%		
Tăng trưởng giá bán trung bình theo năm:	1.0%		
Chi phí		Khấu hao	
Chi phí quản lý (2024, Tăng theo tổng thể, tỷ VND)	750.0	Phương pháp khấu hao:	Đường thẳng
Giá vốn trung bình/Doanh thu (%):	67.0%	Thời gian còn lại của tài sản hiện có:	10 năm
Chi phí bán hàng trung bình/ Doanh thu ratio (%):	13.5%	Thời gian khấu hao tài sản đầu tư mới:	18 năm

Nguồn: Mirae Asset Vietnam Research

Bảng 4. Định giá: Phương pháp so sánh

Tên công ty	Mã CK	P/E hiện tại
Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	SAB VN	17.0
Anheuser-Busch InBev SA/NV	ABI BB	22.8
Heineken NV	HEIA NA	22.3
Heineken Holding NV	HEIO NA	18.4
Carlsberg AS	CARLB DC	18.7
Constellation Brands Inc.	STZ US	23.4
Tsingtao Brewery Co Ltd	600600 CH	25.3
Thai Beverage PCL	THBEV SP	12.2
San Miguel Food and Beverage I	FB PM	11.4
Carlsberg Brewery Malaysia Bhd.	CAB MK	17.1
Trung bình		19.0

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Vietnam Research

Bảng 5. Dự phóng doanh thu: Kịch bản cơ sở

		2024F	2025F	2026F	2027F	2028F	2029F	2030F	2031F	2032F	2033F	2034F
Tăng trưởng												
Khối lượng bán	(%)	-5.0%	2.0%	2.0%	2.0%	2.0%	2.0%	2.0%	2.0%	2.0%	2.0%	2.0%
Giá bán	(%)	1.0%	1.0%	1.0%	1.0%	1.0%	1.0%	1.0%	1.0%	1.0%	1.0%	1.0%
Tổng	(%)	-4.1%	3.0%	3.0%	3.0%	3.0%	3.0%	3.0%	3.0%	3.0%	3.0%	3.0%
Doanh thu	(VNDbn)	29,463.1	30,352.9	31,269.6	32,213.9	33,186.8	34,189.0	35,221.5	36,285.2	37,381.0	38,509.9	39,672.9

Nguồn: Mirae Asset Vietnam Research

Bảng 6. Chỉ tiêu tài chính: Kịch bản cơ sở

		2024F	2025F	2026F	2027F	2028F	2029F	2030F	2031F	2032F	2033F	2034F
Doanh thu	(tỷ VND)	29,463	30,353	31,270	32,214	33,187	34,189	35,222	36,285	37,381	38,510	39,673
LNHĐ	(tỷ VND)	5,679	5,743	5,871	6,055	6,196	6,341	6,547	6,708	6,883	7,071	7,713
Biên LNHĐ	(%)	19.3	18.9	18.8	18.8	18.7	18.5	18.6	18.5	18.4	18.4	19.4
LNTT	(tỷ VND)	5,679	5,743	5,871	6,055	6,196	6,341	6,547	6,708	6,883	7,071	7,713
LNST CĐ Cty mẹ	(tỷ VND)	4,316	4,365	4,462	4,601	4,709	4,819	4,975	5,098	5,231	5,374	5,862
EPS	(tỷ VND)	3,264	3,301	3,374	3,480	3,561	3,645	3,763	3,856	3,956	4,064	4,433
ROE	(%)	17.9	18.1	18.5	18.9	19.2	19.3	19.6	19.6	19.5	19.4	20.3
P/E	(x)	15.6	16.5	16.1	15.6	15.3	14.9	14.5	14.1	13.7	13.4	12.3
P/B	(x)	2.9	2.9	3.0	3.0	3.0	2.9	2.9	2.8	2.8	2.7	2.6
Tổng tài sản	(tỷ VND)	31,545	31,627	31,869	32,259	32,747	33,387	34,176	35,096	36,139	37,372	39,091
VCSH	(tỷ VND)	25,410	25,385	25,458	25,675	26,002	26,441	27,040	27,765	28,626	29,632	31,138

Nguồn: Mirae Asset Vietnam Research

Bảng 7. Chỉ tiêu tài chính: Kịch bản lạc quan

		2024F	2025F	2026F	2027F	2028F	2029F	2030F	2031F	2032F	2033F	2034F
Doanh thu	(tỷ VND)	29,773	30,973	32,221	33,520	34,871	36,276	37,738	39,259	40,841	42,487	44,199
LNHĐ	(tỷ VND)	5,739	5,875	6,080	6,348	6,582	6,827	7,141	7,421	7,724	8,050	8,841
Biên LNHĐ	(%)	19.3	19.0	18.9	18.9	18.9	18.8	18.9	18.9	18.9	18.9	20.0
LNTT	(tỷ VND)	5,739	5,875	6,080	6,348	6,582	6,827	7,141	7,421	7,724	8,050	8,841
LNST CĐ Cty mẹ	(tỷ VND)	4,362	4,465	4,621	4,824	5,002	5,189	5,427	5,640	5,870	6,118	6,719
EPS	(tỷ VND)	3,299	3,377	3,495	3,649	3,783	3,924	4,105	4,266	4,440	4,627	5,081
ROE	(%)	18.0	18.4	19.0	19.5	19.8	20.0	20.3	20.2	20.1	19.9	20.5
P/E	(x)	15.4	16.1	15.6	14.9	14.4	13.9	13.3	12.8	12.3	11.8	10.7
P/B	(x)	2.9	2.9	2.9	2.9	2.9	2.8	2.7	2.6	2.5	2.4	2.2
Tổng tài sản	(tỷ VND)	31,648	31,890	32,355	33,038	33,895	34,987	36,317	37,875	39,659	41,749	44,445
VCSH	(tỷ VND)	25,457	25,534	25,770	26,215	26,841	27,658	28,719	29,998	31,512	33,280	35,661

Nguồn: Mirae Asset Vietnam Research

Bảng 8. Chỉ tiêu tài chính: Kịch bản bi quan

		2024F	2025F	2026F	2027F	2028F	2029F	2030F	2031F	2032F	2033F	2034F
Doanh thu	(tỷ VND)	29,153	29,739	30,337	30,946	31,569	32,203	32,850	33,511	34,184	34,871	35,572
LNHĐ	(tỷ VND)	5,619	5,613	5,666	5,768	5,823	5,875	5,979	6,034	6,093	6,158	6,669
Biên LNHĐ	(%)	19.3	18.9	18.7	18.6	18.4	18.2	18.2	18.0	17.8	17.7	18.7
LNTT	(tỷ VND)	5,619	5,613	5,666	5,768	5,823	5,875	5,979	6,034	6,093	6,158	6,669
LNST CĐ Cty mẹ	(tỷ VND)	4,270	4,266	4,306	4,384	4,425	4,465	4,544	4,586	4,631	4,680	5,068
EPS	(tỷ VND)	3,229	3,226	3,256	3,316	3,347	3,377	3,437	3,468	3,502	3,540	3,833
ROE	(%)	17.7	17.7	18.0	18.4	18.5	18.6	18.9	18.9	18.9	18.9	20.1
P/E	(x)	15.8	16.9	16.7	16.4	16.3	16.1	15.8	15.7	15.5	15.4	14.2
P/B	(x)	2.9	3.0	3.0	3.0	3.1	3.1	3.1	3.1	3.1	3.1	3.0
Tổng tài sản	(tỷ VND)	31,441	31,366	31,390	31,496	31,631	31,840	32,117	32,438	32,791	33,232	34,054
VCSH	(tỷ VND)	25,363	25,236	25,151	25,145	25,181	25,258	25,416	25,616	25,863	26,160	26,854

Nguồn: Mirae Asset Vietnam Research

Luận điểm đầu tư, định giá và rủi ro

Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn (SAB VN/Năm giữ/TP: 62,000 VND)

Luận điểm đầu tư

Tổng Công ty Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn (SAB) là tập đoàn nước giải khát hàng đầu Việt Nam, với thị phần lớn thứ 2 ở thị trường nội địa. Với lịch sử gần 150 năm, SAB sở hữu nhiều thương hiệu mạnh như Sài Gòn Special, 333, Sài Gòn Lager. Công ty có hệ thống phân phối rộng khắp thông qua các công ty con trên cả nước. Sau đợt thoái vốn năm 2018, SAB đang dần cải thiện hiệu quả hoạt động và tỷ suất lợi nhuận. Trước sự cạnh tranh gay gắt từ các đối thủ lớn và các đối thủ mới gia nhập, SAB vẫn duy trì vị trí thứ 2 về thị phần nội địa. Công ty cũng đã giới thiệu một số thương hiệu mới như Sài Gòn Chill và Sài Gòn Gold ở phân khúc trung-cao cấp. Chúng tôi tin rằng SAB là một khoản đầu tư tiềm năng nhờ thị phần vững chắc và danh mục sản phẩm lớn.

Định giá

Vì SAB là công ty sản xuất bia nội địa có thị phần lớn nên chúng tôi đã sử dụng phương pháp định giá so sánh cho cổ phiếu SAB, sử dụng tỷ lệ P/E trung bình hiện tại của các công ty tương đương cùng ngành và EPS dự phóng năm 2024. Chúng tôi hạ giá mục tiêu xuống còn 62,000 đồng từ 63,100 đồng, tương ứng với tỷ lệ P/E là 19.0 và duy trì khuyến nghị Năm giữ.

Rủi ro chính

Những rủi ro chính đối với khuyến nghị và định giá của chúng tôi, bao gồm:

- Nhu cầu yếu do Nghị định 100/2019/ND-CP kết hợp với nền kinh tế suy yếu.
- Thay đổi giá nguyên liệu đầu vào
- Cạnh tranh gia tăng trong ngành đồ uống
- Kế hoạch thoái vốn của SCIC

Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn (HOSE: SAB)

Báo cáo HĐKD (tóm tắt)

(tỷ VND)	2023	2024	2025	2026
Doanh thu	30,706.8	29,463.1	30,352.9	31,269.6
Giá vốn hàng bán	-21,370.0	-20,193.5	-20,817.4	-21,462.1
Lãi gộp	9,091.4	9,269.7	9,535.5	9,807.5
Thu nhập tài chính	1,432.6	911.2	838.4	833.1
Chi phí tài chính	-73.4	-24.4	-18.0	-18.0
Thu nhập từ công ty liên kết	232.1	250.0	250.0	250.0
Chi phí quản lý và bán hàng	-5,279.9	-4,727.5	-4,862.6	-5,001.7
Lợi nhuận hoạt động	5,402.6	5,679.0	5,743.3	5,870.8
Lợi nhuận khác	-32.2	0.0	0.0	0.0
Lợi nhuận trước thuế	5,370.4	5,679.0	5,743.3	5,870.8
Thuế TNDN	-1,115.4	-1,135.8	-1,148.7	-1,174.2
Lợi nhuận sau thuế	4,255.1	4,543.2	4,594.6	4,696.7
LNST thuộc về cổ đông cty mẹ	4,117.6	4,316.1	4,364.9	4,461.8
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	137.4	227.2	229.7	234.8

Bảng cân đối kế toán (tóm tắt)

(tỷ VND)	2023	2024	2025	2026
Tiền và tương đương tiền	22,781.0	20,960.4	20,826.4	20,788.5
Các khoản phải thu	1,229.4	805.0	831.6	856.7
Hàng tồn kho	2,317.5	1,887.7	1,950.1	2,009.0
Tài sản lưu động khác	225.5	241.5	249.5	257.0
Tài sản ngắn hạn	26,553.4	23,894.6	23,857.6	23,911.2
Tài sản cố định	4,392.7	4,439.6	4,458.6	4,547.1
Tài sản đầu tư	2,287.4	2,387.4	2,487.4	2,587.4
Tài sản dài hạn khác	823.1	823.1	823.1	823.1
Tài sản dài hạn	7,503.2	7,650.1	7,769.1	7,957.6
Tổng tài sản	34,056.6	31,544.7	31,626.7	31,868.8
Các khoản phải trả	7,500.1	5,393.5	5,571.6	5,739.9
Nợ ngắn hạn	530.1	300.0	300.0	300.0
Nợ dài hạn	170.8	70.8	0.0	0.0
Nợ khác	370.4	370.4	370.4	370.4
Nợ phải trả	8,571.5	6,134.8	6,242.1	6,410.3
VCSH và các quỹ	13,995.0	13,995.0	13,995.0	13,995.0
LNST chưa phân phối	10,217.3	9,914.9	9,659.9	9,498.9
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	1,272.8	1,500.0	1,729.7	1,964.6
Tổng VCSH	25,485.2	25,409.9	25,384.6	25,458.5
Tổng nguồn vốn	34,056.6	31,544.7	31,626.7	31,868.8

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tóm tắt)

(tỷ VND)	2023	2024	2025	2026
Lợi nhuận sau thuế	4,255.1	4,543.2	4,594.6	4,696.7
Khấu hao	570.0	453.2	480.9	511.5
Thay đổi vốn lưu động	-1,108.9	-1,268.4	81.2	76.7
Lãi từ hoạt động đầu tư	-1,625.9	-250.0	-250.0	-250.0
Khác	-150.2	-129.5	-130.9	-133.9
Dòng tiền hoạt động kinh doanh	1,940.1	3,348.5	4,775.8	4,901.0
Tiền mua TSCĐ và đầu tư vốn	-283.7	-500.0	-500.0	-600.0
Khác	1,328.8	150.0	150.0	150.0
Dòng tiền hoạt động đầu tư	1,045.1	-350.0	-350.0	-450.0
Dòng tiền vay ròng	-330.9	-330.1	-70.8	0.0
Phát hành/(mua lại) cổ phần	0.0	0.0	0.0	0.0
Cổ tức tiền	-3,354.1	-4,489.0	-4,489.0	-4,489.0
Dòng tiền hoạt động tài chính	-3,685.0	-4,819.1	-4,559.8	-4,489.0
Lưu chuyển tiền thuần	-699.9	-1,820.6	-133.9	-37.9
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	23,480.9	22,781.0	20,960.4	20,826.4
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	22,781.0	20,960.4	20,826.4	20,788.5

Các chỉ số chính

	2023	2024	2025	2026
P/E (x)	20.1	15.6	16.5	16.1
P/B (x)	3.3	2.9	2.9	3.0
EPS (VND)	3,132	3,264	3,301	3,374
BPS (VND)	18,878	18,642	18,443	18,318
DPS (VND)	2,500	3,500	3,500	3,500
Tăng trưởng doanh thu (%)	-12.9	-4.1	3.0	3.0
Tăng trưởng LN hoạt động (%)	-20.9	5.1	1.1	2.2
Tăng trưởng EPS (%)	-21.2	4.2	1.1	2.2
Tỉ suất cổ tức (%)	4.6	6.4	6.4	6.4
Vòng quay phải thu (x)	28.9	36.6	36.5	36.5
Vòng quay hàng tồn kho (x)	9.5	10.5	10.4	10.4
Vòng quay phải trả (x)	2.7	3.7	3.7	3.7
ROA (%)	12.4	13.9	14.5	14.8
ROE (%)	17.0	17.9	18.1	18.5
Tỉ lệ thanh khoản hiện thời (%)	29.4	21.2	21.9	22.5
Nợ trên VCSH (%)	2.8	1.5	1.2	1.2
Tỉ lệ đảm bảo lãi vay (x)	74.6	234.0	320.0	327.1

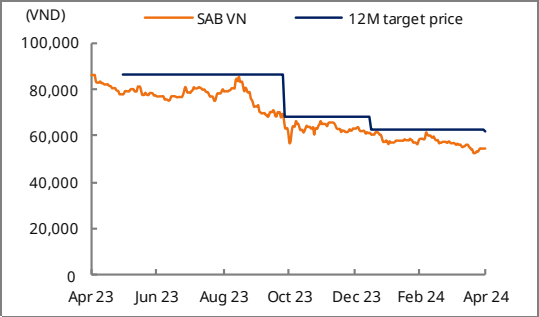
Nguồn: Dữ liệu doanh nghiệp, Mirae Asset Vietnam Research

Phụ lục

Khuyến cáo quan trọng

Lịch sử khuyến nghị và giá mục tiêu 2 năm gần nhất

Tên công ty	Ngày	Khuyến nghị	TP (VND)
Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	07/05/2024	Nắm giữ	62,000
Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	15/01/2024	Nắm giữ	63,100
Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	27/10/2023	Tăng tỷ trọng	68,500
Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	30/05/2023	Tăng tỷ trọng	86,750



Hệ thống khuyến nghị cổ phiếu

Mua	: Lợi nhuận kỳ vọng từ 20% trở lên
Tăng Tỷ Trọng	: Lợi nhuận kỳ vọng từ 10% trở lên
Nắm Giữ	: Lợi nhuận kỳ vọng trong khoảng +/-10%
Bán	: Lợi nhuận kỳ vọng từ -10% trở xuống

Thang đánh giá ngành

Tích Cực	: Các yếu tố cơ bản thuận lợi hoặc đang cải thiện
Trung Tính	: Các yếu tố cơ bản ổn định và dự kiến không có thay đổi trọng yếu
Tiêu Cực	: Các yếu tố cơ bản không thuận lợi hoặc theo xu hướng xấu

* Hệ thống khuyến nghị của chúng tôi dựa trên lợi nhuận kỳ vọng về tăng trưởng giá cổ phiếu trong vòng 12 tháng tiếp theo.
* Giá mục tiêu được xác định bởi chuyên viên phân tích áp dụng các phương pháp định giá được đề cập trong báo cáo, một phần dựa trên dự phóng của người phân tích về lợi nhuận trong tương lai.
* Việc đạt giá mục tiêu có thể chịu tác động từ các rủi ro liên quan đến cổ phiếu, doanh nghiệp, cũng như điều kiện thị trường, vĩ mô nói chung.

Khuyến cáo

Kể từ ngày phát hành, Chứng Khoán Mirae Asset và các chi nhánh không có bất kỳ lợi ích đặc biệt liên quan đến doanh nghiệp chủ thể và không sở hữu trên 1% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của doanh nghiệp chủ thể.

Xác nhận của chuyên viên phân tích

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm thực hiện báo cáo này xác nhận rằng (i) những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân các tổ chức phát hành và chứng khoán trong báo cáo và (ii) không có phần thù lao nào của chuyên viên phân tích đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Tương tự như các nhân viên trong công ty, Chuyên viên phân tích nhận được thù lao dựa trên doanh thu và lợi nhuận tổng thể của Chứng Khoán Mirae Asset, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, Ngân hàng đầu tư hoặc Tư vấn doanh nghiệp. Tại thời điểm phát hành báo cáo, Chuyên viên phân tích không biết về bất kỳ xung đột lợi ích thực tế, trọng yếu nào của Chuyên viên phân tích hoặc Chứng Khoán Mirae Asset.

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo được viết và phát hành bởi Chứng khoán Mirae Asset. Báo cáo được thực hiện dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Chứng khoán Mirae Asset không chịu trách nhiệm về độ chính xác, tính công bằng và đầy đủ của những thông tin này. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Chứng khoán Mirae Asset, các đối tượng có kiến thức về môi trường kinh doanh địa phương, pháp luật cũng như nguyên tắc kế toán.
Báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính hoặc nhu cầu của từng khách hàng. Thông tin và quan điểm trong báo cáo có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Tình hình hoạt động trong quá khứ không nhất thiết sẽ diễn ra tương tự cho các kết quả trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. Chứng Khoán Mirae Asset, các chi nhánh, giám đốc, nhân viên và các đại lý không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng tài liệu này.
Chứng Khoán Mirae Asset, các chi nhánh, giám đốc, nhân viên và các đại lý có thể thực hiện hoặc đề nghị các giao dịch mua hoặc bán bất kỳ loại chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào vào bất kỳ thời điểm nào. Chứng khoán Mirae Asset và các chi nhánh có thể đã, đang hoặc sẽ có mối quan hệ kinh doanh với các công ty chủ thể để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được luật pháp và quy định hiện hành cho phép. Báo cáo này không được sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Chứng khoán Mirae Asset.

Mirae Asset Securities International Network

Mirae Asset Securities Co., Ltd. (Seoul)

One-Asia Equity Sales Team
Mirae Asset Center 1 Building
26 Eulji-ro 5-gil, Jung-gu, Seoul 04539
Korea

Tel: 82-2-3774-2124

Mirae Asset Securities (USA) Inc.

810 Seventh Avenue, 37th Floor
New York, NY 10019
USA

Tel: 1-212-407-1000

PT. Mirae Asset Sekuritas Indonesia

Equity Tower Building Lt. 50
Sudirman Central Business District
Jl. Jend. Sudirman, Kav. 52-53
Jakarta Selatan 12190
Indonesia
Tel: 62-21-515-3281

Mirae Asset Securities Mongolia UTsK LLC

#406, Blue Sky Tower, Peace Avenue 17
1 Khoroo, Sukhbaatar District
Ulaanbaatar 14240
Mongolia

Tel: 976-7011-0806

Shanghai Representative Office

38T31, 38F, Shanghai World Financial Center
100 Century Avenue, Pudong New Area
Shanghai 200120
China

Tel: 86-21-5013-6392

Mirae Asset Securities (HK) Ltd.

Units 8501, 8507-8508, 85/F
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon
Hong Kong
Tel: 852-2845-6332

Mirae Asset Wealth Management (USA) Inc.

555 S. Flower Street, Suite 4410,
Los Angeles, California 90071
USA

Tel: 1-213-262-3807

Mirae Asset Securities (Singapore) Pte. Ltd.

6 Battery Road, #11-01
Singapore 049909
Republic of Singapore

Tel: 65-6671-9845

Mirae Asset Investment Advisory (Beijing) Co., Ltd

2401B, 24th Floor, East Tower, Twin Towers
B12 Jianguomenwai Avenue, Chaoyang District
Beijing 100022
China

Tel: 86-10-6567-9699

Ho Chi Minh Representative Office

7F, Saigon Royal Building
91 Pasteur St.
District 1, Ben Nghe Ward, Ho Chi Minh City
Vietnam

Tel: 84-8-3910-7715

Mirae Asset Securities (UK) Ltd.

41st Floor, Tower 42
25 Old Broad Street,
London EC2N 1HQ
United Kingdom

Tel: 44-20-7982-8000

Mirae Asset Wealth Management (Brazil) CCTVM

Rua Funchal, 418, 18th Floor, E-Tower Building
Vila Olimpia
Sao Paulo - SP
04551-060
Brazil
Tel: 55-11-2789-2100

Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC

7F, Le Meridien Building
3C Ton Duc Thang St.
District 1, Ben Nghe Ward, Ho Chi Minh City
Vietnam

Tel: 84-8-3911-0633 (ext.110)

Beijing Representative Office

2401A, 24th Floor, East Tower, Twin Towers
B12 Jianguomenwai Avenue, Chaoyang District
Beijing 100022
China

Tel: 86-10-6567-9699 (ext. 3300)

Mirae Asset Capital Markets (India) Private Limited

Unit No. 506, 5th Floor, Windsor Bldg., Off CST
Road, Kalina, Santacruz (East), Mumbai – 400098
India

Tel: 91-22-62661336